

Thứ hai, ngày 7 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tiếp tục điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 08/10/2019		•	
Tuần 7/10-11/10/2019		•	
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index vận động giằng co quanh mốc tham chiếu trước áp lực bán gia tăng tại các mã bluechips trụ cột như VHM, VIC, VPB. Đến phiên chiều, đà giảm của chỉ số được nới rộng khi các mã VIC, TCB, MSN chìm trong sắc đỏ. Thị trường có phiên giao dịch âm ảm đồng pha với các TTCK khác trong khu vực trước thềm cuộc đàm phán thương mại cấp cao mang tính quan trọng giữa Mỹ và Trung Quốc. Bên cạnh đó, báo cáo số liệu việc làm khả quan trong cuối tuần qua cũng phần nào giảm bớt lo lắng về sự trì trệ của nền kinh tế Mỹ. **Do vậy, BSC cho rằng nhiều khả năng VN-Index sẽ tiếp tục vận động trong vùng giá 980 – 1,000 điểm trong tuần này.**

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều giảm điểm theo xu hướng chung của phiên hôm nay. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 860 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 07/10/2019, các chứng quyền và chứng khoán cơ sở hầu hết đều giảm điểm, riêng STB và DPM đã có sự tăng giá. STB đang vận động tích lũy tạo mô hình vai đầu vai đảo ngược suốt hai tháng nay. Thanh khoản cổ phiếu vẫn giữ giá trị ổn định. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật đang trong trạng thái trung lập, nhiều khả năng CSTB1901 sẽ giao động đi ngang trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_ Nước & Năng lượng_0.1%. 2/16 danh mục **Chủ đề** đều có hiệu suất trong ngày khả quan, trong đó có tới **2/16** danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn **VNINDEX(-0.5%)**. Đặc biệt, danh mục **Nước & Năng lượng** - đầu tư vào nhóm ngành hàng thiết yếu, có tăng trưởng ổn định và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.1%**.

Phân tích kỹ thuật: POW_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: TCM, KDH, TNG, TCB, BID

Điểm nhấn

- VN-Index **-4.50 điểm**, đóng cửa 983.09. HNX-Index **-1.43 điểm**, đóng cửa 103.73.
- Kéo chỉ số tăng: **SAB (+0.38); VNM (+0.26); GAS (+0.11); POW (+0.10); PLX (+0.07)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.98); TCB (-0.46); BVH (-0.42); VPB (-0.39); MSN (-0.31)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,099 tỷ đồng**, **-5.5%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.25 điểm. Thị trường có 124 mã tăng, 62 mã tham chiếu và 182 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **45.79 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm DIG (14.33 tỷ), HPG (14.25 tỷ) và VRE (13.14 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **0.13 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX

983.09

Giá trị: 3099.39 tỷ

-4.5 (-0.46%)

Khối ngoại (ròng): -45.79 tỷ

HNX-INDEX

103.73

Giá trị: 342.52 tỷ

-1.43 (-1.36%)

Khối ngoại (ròng): 0.13 tỷ

UPCOM-INDEX

56.85

Giá trị: 161.86 tỷ

-0.08 (-0.14%)

Khối ngoại(ròng): 7.22 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	53.2	0.68%
Giá vàng	1,501	-0.25%
Tỷ giá USD/VND	23,202	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,464	0.15%
Tỷ giá JPY/VND	21,708	0.02%
LS liên NH 1 tháng	2.9%	4.01%
LS TPCP 5 năm	3.1%	-0.78%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	15.0	DIG	14.3
VNM	13.7	HPG	14.3
ROS	6.3	VRE	13.1
AST	5.6	POW	10.3
BID	4.9	BVH	8.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

✦ Bạn không có thời gian để đầu tư
 ✦ Bạn bán khoản với biến động thị trường
 ✦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

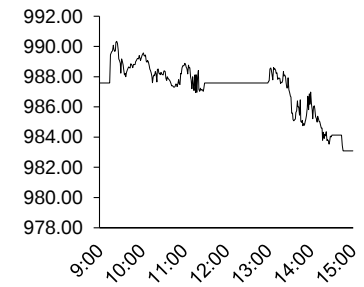
BSC RESEARCH

10/7/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

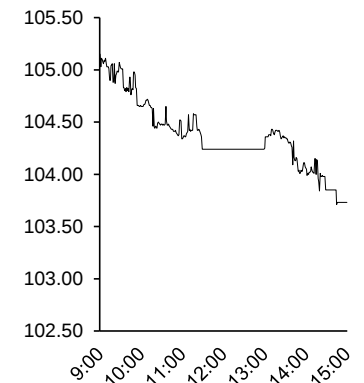
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Y tế	0.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.2%
Thực phẩm và đồ uống	0.2%
Truyền thông	0.2%
Dầu khí	0.0%
Viễn thông	0.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.2%
Tài nguyên Cơ bản	-0.2%
Du lịch và Giải trí	-0.5%
Ngân hàng	-0.6%
Bất động sản	-0.7%
Hóa chất	-0.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.8%
Ô tô và phụ tùng	-1.3%
Bán lẻ	-1.4%
Xây dựng và Vật liệu	-1.6%
Dịch vụ tài chính	-1.6%
Công nghệ Thông tin	-1.9%
Bảo hiểm	-2.5%

Nguồn: FiinPro

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* 2/16 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày khả quan, trong đó có tới 2/16 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX(-0.5%). Đặc biệt, danh mục **Nước & Năng lượng** - đầu tư vào nhóm ngành hàng thiết yếu, có tăng trưởng ổn định và tính phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.1%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **10/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**
- **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Nước & Năng lượng_0.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Nước & Năng lượng	0.1%	-1.7%	0.5%	-4.2%	1.0%	3.8%	56.0%
Dầu khí	0.0%	-3.9%	-2.6%	-6.1%	-7.6%	-16.7%	6.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.5%	-1.8%	0.7%	0.2%	-1.8%	0.9%	76.8%
Xây dựng	-0.7%	-2.1%	3.4%	-0.2%	-6.5%	-12.1%	27.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.9%	-1.4%	-1.2%	-6.9%	-1.1%	6.7%	46.0%
Xây dựng & Vật liệu XD	-1.1%	0.5%	3.1%	0.2%	-3.9%	-12.2%	-6.4%
Lãi suất giảm	-1.1%	-0.3%	2.2%	-1.7%	-1.7%	-1.1%	53.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.1%	-2.1%	3.2%	5.1%	6.1%	0.5%	69.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.1%	-1.4%	4.5%	5.5%	0.0%	-9.0%	34.2%
Hàng tiêu dùng	-1.2%	-0.9%	3.5%	6.0%	8.3%	4.8%	62.4%
Chiến tranh thương mại	-1.2%	-0.7%	-1.9%	-7.2%	-5.7%	-6.6%	6.0%
Ngân hàng	-1.2%	-0.6%	5.4%	12.2%	6.8%	-0.3%	78.6%
BDS & Khu công nghiệp	-1.2%	-1.2%	-0.3%	1.6%	0.7%	-1.1%	57.4%
Vật liệu Xây dựng	-1.3%	0.4%	2.1%	1.3%	1.5%	-5.6%	2.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.4%	-2.0%	3.3%	8.6%	8.8%	-1.6%	75.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-2.4%	-3.6%	1.6%	-7.9%	-14.5%	-20.8%	40.1%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 7	0.1%	1.0%	4.2%	4.2%	2.9%	1.2%	47.2%
Danh mục 13	-0.3%	-0.6%	3.3%	3.9%	2.6%	-0.5%	28.5%
Danh mục 1	-0.4%	-0.7%	4.8%	10.4%	11.2%	3.6%	71.9%
Danh mục 2	-1.2%	-1.5%	3.2%	5.7%	4.3%	1.4%	71.1%
Danh mục 12	-1.2%	-2.8%	1.6%	6.7%	9.5%	7.9%	103.4%
* Note	10/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tuần tốt hơn VNINDEX						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 20	0.0%	1.0%	1.6%	1.8%	1.0%	1.8%	16.8%
Danh mục 19	-0.5%	-0.3%	4.7%	9.1%	10.2%	9.3%	58.2%
Danh mục 24	-0.6%	-1.6%	2.6%	7.4%	9.3%	1.9%	66.2%
Danh mục 25	-0.8%	-2.4%	0.0%	4.5%	8.6%	21.9%	168.9%
Danh mục 22	-1.2%	-2.4%	5.2%	13.9%	14.5%	4.8%	74.5%
* Note	4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần tốt hơn VNINDEX						

INDEX							
VNINDEX	-0.5%	-1.4%	0.9%	1.4%	0.1%	-2.5%	43.7%
VN30INDEX	-0.8%	-1.7%	2.4%	4.2%	0.8%	-7.5%	36.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Phân tích kỹ thuật

POW_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu POW đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi hình thành mô hình 2 đáy trong vùng 12-12.5. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên trong các phiên hồi phục gần nhất, cho thấy động lực tăng đang hình thành. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã cắt lên dải mây ichimoku cho thấy nhịp tăng giá trong trung hạn đã hình thành. Như vậy, POW nhiều khả năng sẽ tăng trở về ngưỡng kháng cự cũ tại ngưỡng giá 14.5-15 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Kế hoạch năm 2019 Sản lượng dự kiến ở mức 21,6 tỷ kWh tăng 2.8%. Tổng doanh thu giảm nhẹ 1.5% xuống mức 32,769 tỷ. Lợi nhuận sau thuế dự kiến đi ngang ở mức 2,275 tỷ đồng. Cổ tức tiếp tục duy trì ở mức 6% bằng cổ phiếu.

Cập nhật KQKD

KQKD 6 tháng năm 2018. Doanh thu 6 tháng cuối năm 2018 đạt 15,137 tỷ đồng, đạt 108% kế hoạch trong đó: sản lượng điện đạt 9209 triệu kWh giảm 22% so với mức 11797.8 triệu kWh nửa đầu năm 2018 và chỉ đạt 94% sản lượng kế hoạch do ảnh hưởng sự sụt giảm nguồn khí tuy nhiên giá bán cải thiện theo đà tăng của giá khí theo giá đầu và giá bán điện trên thị trường ở mức cao (1,045 đ/kWh so với mức bình quân năm 2017 là 639 đ/kWh).

Tuy nhiên lợi nhuận 6 tháng cuối năm chỉ đạt 655 tỷ đồng, bằng 69% kế hoạch do (1) ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá khi cổ phần hóa khoảng 124 tỷ đồng (2) nhà máy Vũng Áng gặp sự cố phải sửa chữa từ cuối tháng 11 khiến nhà máy bị lỗ 427 tỷ đồng (cùng kì lãi 71 tỷ đồng).

Cổ tức năm 2018: 6% bằng cổ phiếu.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express POW 2019Q2

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

TCM_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

TNG_Hồi phục

[Link](#)

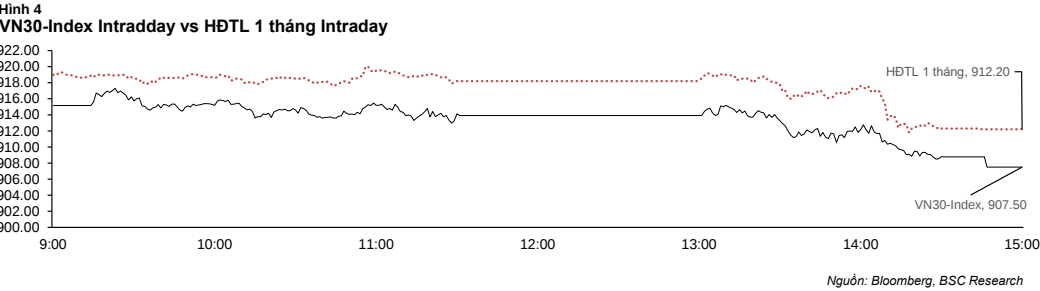
TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1910	912.20	-0.70%	4.70	-27.8%	68447	10/17/2019	12
VN30F1911	912.10	-0.86%	4.60	39.7%	306	11/21/2019	47
VN30F1912	910.10	-0.56%	2.60	81.0%	114	12/19/2019	75
VN30F2003	910.80	-0.43%	3.30	-65.1%	29	3/19/2020	166

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 7.66 điểm xuống mức 907.5 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, FPT, MWG và VIC tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 giao động quanh mốc tham chiếu trong phiên sáng nhưng đã giảm mạnh trong phiên chiều. Thanh khoản có chiều hướng giảm trong những phiên gần đây.
- Tất cả các HDTL đều giảm điểm theo xu hướng chung của phiên hôm nay. VN30F1911 và VN30F1912 tăng về khối lượng giao dịch so với phiên trước đó, trong khi VN30F1910 và VN30F2003 lại giảm. Xét về vị thế mở, hầu hết các hợp đồng đều có chiều hướng tăng, duy chỉ có VN30F1911 là giảm. Tình hình thị trường chung đang diễn biến khá xấu. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 860 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CDPM1901	KIS	1/9/2020	94	1:1	32,210	-37.5%	5.0 triệu	26.79%	1,900	2,340	3.08%	965.50
CSTB1901	KIS	1/9/2020	94	1:1	87,750	105.2%	3.0 triệu	20.75%	1,390	1,460	0.69%	352.00
CMBB1902	HSC	12/17/2019	71	1:1	97,700	-2.9%	1.0 triệu	18.63%	3,200	3,950	0.00%	1,404.90
CHPG1905	SSI	12/30/2019	84	1:1	20,030	-61.6%	1.0 triệu	28.39%	3,300	2,150	-1.38%	579.50
CVNM1901	KIS	12/13/2019	67	10:1	658,170	6.7%	1.5 triệu	18.81%	1,200	710	-1.39%	2.50
CMWG1904	SSI	12/30/2019	84	1:1	16,180	60.4%	2.0 triệu	20.27%	14,000	38,000	-2.54%	33,979.70
CVHM1901	KIS	2/7/2020	123	4:1	3,380	-71.9%	1.5 triệu	27.50%	3,100	3,970	-2.70%	1,479.70
CMWG1902	VND	12/11/2019	65	4:1	75,360	5.1%	5.0 triệu	20.27%	2,990	8,800	-6.08%	8,439.60
CNVL1901	KIS	2/7/2020	123	4:1	19,470	68.1%	2.5 triệu	19.99%	1,900	2,760	-6.44%	903.10
CHPG1902	KIS	12/11/2019	65	5:1	409,510	-18.2%	1.0 triệu	28.39%	1,000	140	-6.67%	0.01
CREE1901	MBS	11/19/2019	43	3:1	163,100	110.5%	3.0 triệu	23.24%	1,260	1,400	-7.28%	415.10
CMWG1903	HSC	12/30/2019	84	5:1	125,140	108.1%	1.8 triệu	20.27%	2,700	6,200	-7.60%	5,798.20
CFPT1903	SSI	12/30/2019	84	1:1	72,190	351.2%	1.0 triệu	20.19%	6,000	12,800	-7.91%	10,876.30
CFPT1904	MBS	11/19/2019	43	3:1	110,080	13.6%	2.0 triệu	20.19%	1,700	2,600	-9.41%	1,362.40
CHPG1906	KIS	11/14/2019	38	2:1	43,580	488.9%	2.0 triệu	28.39%	1,500	330	-10.81%	0.50
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	63	5:1	54,350	8.2%	1.5 triệu	20.27%	5,600	7,020	-11.14%	5,953.70
CMSN1901	KIS	11/14/2019	38	5:1	45,510	260.0%	2.0 triệu	22.93%	1,920	950	-12.84%	11.40
CVIC1901	KIS	11/14/2019	38	5:1	56,680	-75.3%	5.0 triệu	20.88%	1,960	970	-13.39%	2.30
CVRE1901	KIS	11/14/2019	38	2:1	115,940	555.0%	5.0 triệu	26.61%	1,900	710	-14.46%	0.60
CMWG1906	MBS	12/16/2019	70	5:1	295,380	741.5%	3.0 triệu	20.27%	2,850	2,660	-16.88%	1,216.70

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 07/10/2019, các chứng quyền và chứng khoán cơ sở hầu hết đều giảm điểm, riêng STB và DPM đã có sự tăng giá.
- CMWG1906 và CVRE1901 giảm giá nhiều nhất lần lượt là 16.88% và 14.46%, ở chiều hướng ngược lại, CDPM1901 tăng 3.08%. Thanh khoản thị trường tăng 20.71%, CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 26% thị trường.
- Tất cả các chứng quyền đều duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở FPT và MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời. STB đang vận động tích lũy tạo mô hình vai đầu vai đảo ngược suốt hai tháng nay. Thanh khoản cổ phiếu vẫn giữ giá trị ổn định. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật đang trong trạng thái trung lập, nhiều khả năng CSTB1901 sẽ giao động đi ngang trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	129.10	0.39	0.35
STB	10.50	0.96	0.24
SAB	260.00	0.78	0.20
GAS	100.70	0.20	0.03
SBT	17.80	0.28	0.02

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	23.2	-1.91	-1.43
VPB	21.8	-2.47	-1.32
FPT	55.5	-2.29	-0.98
MWG	121.0	-1.63	-0.80
VIC	117.0	-0.85	-0.59

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CDPM1901	15,888	13,988	14,200
CSTB1901	12,278	10,888	10,500
CMBB1902	26,300	21,800	22,400
CHPG1905	93,300	23,100	21,300
CVNM1901	46,340	156,285	129,100
CMWG1904	165,000	90,000	121,000
CVHM1901	102,288	89,888	89,000
CMWG1902	48,130	90,000	121,000
CNVL1901	69,688	62,088	62,500
CHPG1902	166,285	41,999	21,300
CREE1901	41,330	37,550	37,000
CMWG1903	25,800	95,000	121,000
CFPT1903	56,154	45,140	55,500
CFPT1904	57,100	52,000	55,500
CHPG1906	31,088	28,088	21,300
CMWG1905	122,000	94,000	121,000
CMSN1901	98,488	88,888	76,500
CVIC1901	150,688	140,888	117,000
CVRE1901	44,688	40,888	31,500
CMWG1906	135,150	120,900	121,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	121.0	-1.6%	0.7	2,329	4.6	7,893	15.3	5.1	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	79.0	-1.6%	1.0	764	1.4	4,727	16.7	4.3	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	70.7	-2.9%	1.3	2,154	1.2	1,505	47.0	3.2	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	32.7	-2.7%	0.7	329	0.2	3,061	10.7	1.1	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	117.0	-0.8%	1.1	17,021	2.4	1,643	71.2	4.7	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	31.5	-1.3%	1.1	3,189	2.8	1,033	30.5	2.6	31.7%	8.8%
NVL	Bất động sản	62.5	-1.7%	0.8	2,528	0.8	3,579	17.5	2.9	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	37.0	-1.1%	1.0	499	1.9	5,261	7.0	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.2	-3.0%	1.4	372	2.6	3,744	4.3	1.0	46.5%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.1	-2.3%	1.3	466	1.6	1,997	10.6	1.1	57.0%	10.9%
VCI	Chứng khoán	33.6	-2.9%	1.0	240	0.0	5,067	6.6	1.5	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.4	-3.4%	1.4	298	1.4	1,434	15.6	1.6	56.2%	11.1%
FPT	Công nghệ	55.5	-2.3%	0.8	1,637	5.8	4,349	12.8	2.8	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	-2.2%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	100.7	0.2%	1.5	8,380	1.0	6,066	16.6	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	58.2	0.3%	1.5	3,013	1.3	3,350	17.4	3.4	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.6	-1.6%	1.7	387	1.5	2,397	7.8	0.7	22.9%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.3	2.2%	0.8	1,254	0.5	1,163	8.0	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	91.8	0.0%	0.5	522	0.0	4,616	19.9	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.2	0.4%	0.7	242	0.4	853	16.7	0.7	19.1%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.4	-0.8%	0.6	170	0.1	897	8.2	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	82.8	-0.2%	1.3	13,352	4.1	4,729	17.5	4.0	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	40.4	-0.2%	1.5	6,005	1.4	2,091	19.3	2.5	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	20.6	-0.2%	1.6	3,327	1.7	1,470	14.0	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	21.8	-2.5%	1.2	2,323	6.5	2,989	7.3	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.4	-1.1%	1.1	2,223	5.0	3,215	7.0	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.2	-1.7%	1.1	1,635	2.0	4,469	5.2	1.2	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	53.5	0.6%	0.9	190	0.7	5,017	10.7	1.8	78.0%	17.1%
NTP	Nhựa	39.0	0.0%	0.3	151	0.0	4,490	8.7	1.5	21.1%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.2	-1.8%	1.2	633	0.0	732	22.1	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.3	-0.2%	1.0	2,557	3.1	2,760	7.7	1.3	37.9%	19.9%
HSG	Thép	7.3	-1.4%	1.5	134	0.8	425	17.1	0.6	17.7%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	129.1	0.4%	0.8	9,774	4.7	5,465	23.6	7.9	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	260.0	0.8%	0.8	7,249	0.1	6,735	38.6	9.5	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	76.5	-1.2%	1.2	3,888	1.2	3,304	23.2	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	17.8	0.3%	0.5	406	1.0	542	32.9	1.6	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	74.5	-1.3%	0.8	7,052	0.2	2,630	28.3	5.3	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	137.4	-0.1%	1.1	3,129	2.6	9,850	13.9	5.3	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	32.7	-1.5%	1.7	2,013	0.3	1,747	18.7	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.0	-1.6%	0.8	349	0.4	1,888	14.3	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	16.8	-0.3%	0.6	205	0.7	2,435	6.9	1.2	30.7%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	95.5	-10.0%	0.9	651	5.1	7,667	12.5	4.9	2.1%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.0	-0.8%	0.8	370	0.2	1,327	14.3	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	-3.1%	0.8	259	0.1	1,657	9.4	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	91.2	0.0%	0.7	303	0.1	13,535	6.7	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.5	0.0%	1.1	509	0.5	1,352	19.6	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	24.5	0.0%	0.5	263	1.0	387	63.2	1.2	51.8%	1.9%
POW	Điện	13.0	1.2%	0.6	1,324	1.4	820	15.8	1.2	14.5%	7.8%
NT2	Điện	23.8	0.2%	0.6	298	0.1	2,241	10.6	1.7	19.9%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	260.00	0.78	0.38	11360.00
VNM	129.10	0.39	0.26	833680.00
GAS	100.70	0.20	0.11	224250.00
POW	13.00	1.17	0.10	2.55MLN
PLX	58.20	0.34	0.08	514690.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJE	22.80	6.05	0.02	300.00
IDJ	6.10	8.93	0.02	445600.00
PGS	30.30	1.00	0.01	600.00
TIG	4.30	2.38	0.01	798800.00
PHP	11.00	1.85	0.01	7600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	117.00	-0.85	-0.99	467120.00
TCB	23.15	-1.91	-0.46	2.96MLN
BVH	70.70	-2.88	-0.43	377380.00
VPB	21.75	-2.47	-0.40	6.79MLN
MSN	76.50	-1.16	-0.31	357580.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.20	-1.69	-0.67	1.93MLN
VCS	95.50	-9.99	-0.36	1.20MLN
PVS	18.60	-1.59	-0.08	1.85MLN
SHS	8.20	-4.65	-0.06	747400.00
DGC	26.80	-1.83	-0.04	58500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FTM	4.44	6.99	0.00	503810.00
ADS	10.75	6.97	0.01	12030.00
JVC	3.86	6.93	0.01	1.20MLN
DXV	3.26	6.89	0.00	2410.00
SGT	7.00	6.87	0.01	8360.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTP	5.80	9.4	0.00	100.00
IDJ	6.10	8.9	0.02	445600.00
PGT	4.90	8.9	0.00	3000.00
S74	4.90	8.9	0.00	100.00
TST	6.60	8.2	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PIT	4.28	-6.96	0.00	430.00
DHM	3.91	-6.90	0.00	30.00
VDS	7.58	-6.42	-0.02	75000.00
SZL	45.00	-5.86	-0.02	110250.00
GAB	10.50	-5.41	0.00	43930.00

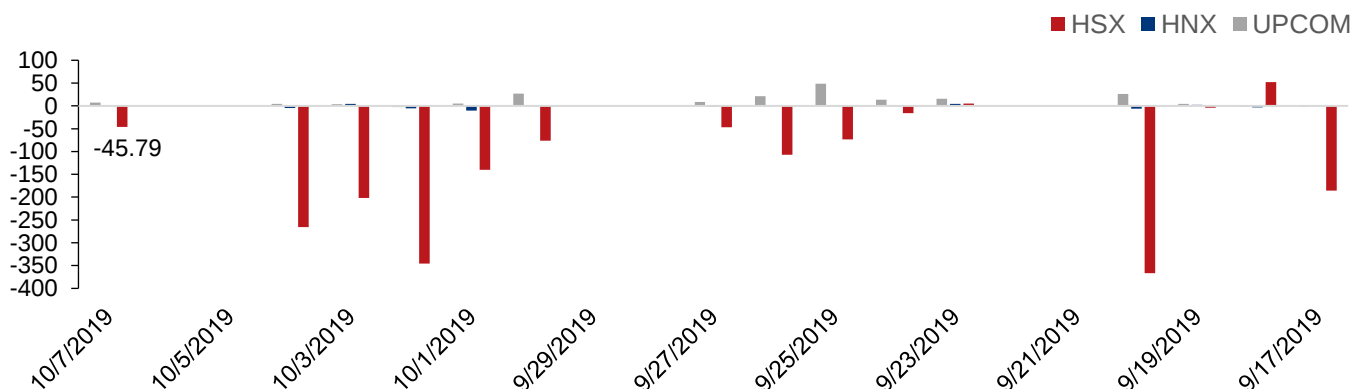
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	13500.00
HKB	0.60	-14.29	-0.01	90400.00
CTT	7.20	-10.00	0.00	1000.00
TTZ	5.40	-10.00	0.00	200.00
VCS	95.50	-9.99	-0.36	1.20MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
1	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
2	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
8	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
9	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
10	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
15	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô_ Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	TRC	Cap su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.0	3,672	10.3	0.7	Click
2	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	76.5	3,304	23.2	2.9	Click
3	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	129.1	5,465	23.6	7.9	Click
4	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.3	2,680	8.3	1.6	Click
5	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	37.0	5,261	7.0	1.2	Click
6	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	80.0	18,865	4.2	1.6	Click
7	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	10.0	2,076	4.8	0.7	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.2	4,469	5.2	1.2	Click
9	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.8	1,098	13.5	1.2	Click
10	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	82.8	4,729	17.5	4.0	Click
11	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.3	1,295	18.0	1.8	Click
12	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.4	3,215	7.0	1.4	Click
13	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	55.0	2,801	19.6	3.2	Click
14	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.0	1,888	14.3	1.3	Click
15	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	29.7	3,705	8.0	2.2	Click
16	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	55.5	4,349	12.8	2.8	Click
17	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.5	649	20.8	1.2	Click
18	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	121.0	7,893	15.3	5.1	Click
19	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	79.0	4,727	16.7	4.3	Click
20	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	55.0	5,276	10.4	3.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express QNS 2019Q4	3/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 30000 QNS hiện đang giao dịch ở vùng giá 29,000-30,000 VND/cp tương đương PE TTM là 8.8x thấp hơn trung vị ngành đường Việt Nam là 21.7x. Theo QNS dự báo doanh thu 2019F sẽ duy trì ngang với năm 2018 là 8,031 - 8,100 tỷ đồng và LNST sẽ giảm do chính sách giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho nhà máy đường An Khê đã hết hạn vào năm 2018, vì thế khả năng QNS sẽ khó hoàn thành được kế hoạch doanh thu 2019F là 8,400 tỷ đồng nhưng kỳ vọng vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 199.2 tỷ đồng. Mảng sữa đậu nành QNS kỳ vọng sẽ tăng trưởng 10-15%/năm trong giai đoạn 2019-2021. QNS đầu tư nhà máy đường tinh luyện RS dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2019F nên sẽ mở rộng được khách hàng F&B lớn như CocaCola, Pepsico,...
Express CVT 2019Q4	2/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 25200; Giá tại Publish 23600 Chúng tôi dự báo doanh thu của CVT năm 2019 đạt 1,567 tỷ đồng (+8% YoY), tương đương với tổng sản lượng tiêu thụ là 17.5 triệu m2 (+1.7% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 162 tỷ (tương đương 2018), EPS fw = 4,194 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPT 5% LNST). Kết quả kinh doanh 9T2019: Doanh thu 1,148 tỷ đồng (+9.6% YoY), sản lượng 11.4 triệu m2 (tương đương 9T2018), trong đó: sản lượng Q3/2019 ước đạt 5.1 triệu m2, doanh thu 485 tỷ (+9.2% YoY). Ước tính sản lượng Q4/2019 đạt 5.2 -5.5 triệu m2, cả năm 17 triệu m2 (tương đương kế hoạch sản xuất).
MSN 2019Q3	30/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 82770; Giá tại Publish BSC dự báo KQKD MSN DTT và LNST&CDTT 2019F lần lượt đạt 40,938 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 4,225 tỷ đồng (-14% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 23%, EPS FW 2019F đạt 3,920 VND/CP, PE FW = 20.5x và PB FW = 2.6x. Lũy kế nửa đầu năm 2019 KQKD của MSN đang chậm lại, cụ thể: DT và LNST của MSN đạt 18,099 tỷ đồng (+0.33% yoy) và 2,191.6 tỷ đồng (-35.9% yoy, nếu loại trừ LNBT thì LNST tăng +8% yoy). Qua đó , MSN hoàn thành 40.22% kế hoạch DT và 43.8% kế hoạch LNST. Chúng tôi lưu ý MSN đầu năm đặt kế hoạch thấp cho năm 2019 với DTT và LNST&CDTS đạt 45,000 tỷ đồng và 5,000 tỷ đồng.
VNM 2019Q3	27/9/2019	Khuyến nghị NĂM GIỮ; Giá mục tiêu 142100; Giá tại Publish 130000 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 22.4x và PB fw là 7.4x. Chúng tôi giả định doanh thu nội địa đạt 44.5 ngàn tỷ đồng (+7% yoy) trong 2019F nhờ (1) Tăng thị phần nội địa và nhu cầu tiêu thụ sữa vẫn còn tăng trưởng; (2) BLNG cải thiện lên 47.3% với giả định giá sữa nguyên liệu WMP giảm 3%; (3) Các chi phí SGA/Rev duy trì mức 25% theo như VNM công bố đầu năm. SCIC thoái vốn 36% cổ phần VNM cuối năm 2019-2020. Mở cửa xuất khẩu sữa VNM ra thị trường tiềm năng Trung Quốc. Hàng ngoại nhập sẽ cạnh tranh với VNM từ các hiệp định thương mại. Biến động giá sữa nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng tới biên gộp.
VHC 2019Q3	25/9/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 93500; Giá tại Publish 79500 Năm 2019, chúng tôi điều chỉnh giảm doanh thu năm 2019 đạt 9,522 tỷ (-6.8% so với dự báo trước) do hạ kỳ vọng về kim ngạch xuất khẩu của VHC (giá bán giảm 10% thay vì 5% trong báo cáo trước). Chúng tôi điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế lên mức 1,435 tỷ (+9.1% so với dự báo trước) do (1) điều chỉnh khoản LN bất thường (103.8 tỷ) từ thoái vốn công ty con và (2) tăng mức biên LNG lên 20.9% cho cả năm 2019 do trong 1H.2019, VHC tiếp tục được hưởng lợi từ mức chênh lệch giữa giá đầu vào và giá bán. EPS dự phóng 2019 đạt 15,489 VND/cp. Nếu loại trừ ảnh hưởng của LN bất thường, LNST đạt 1,331 tỷ, EPS đạt 14,264 VND/cp.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn